

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1622/STC-QLNS ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

#### **1. Sự cần thiết ban hành**

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Vừa qua, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC. Vì vậy, qua rà soát các quy định có liên quan và căn cứ thực tế trong quản lý về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nội dung liên quan đến mức thu, đối tượng nộp của một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND là phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ phù hợp với các nội dung khác có trong dự thảo. Tuy nhiên, theo tinh thần chung, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung liên quan đến mức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm phí và lệ phí, tỷ lệ % để lại, tỷ lệ % nộp ngân sách nhà nước quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND mà không phải là

sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên gọi (trích yếu) để đảm bảo chính xác, thống nhất với phạm vi điều chỉnh (thể hiện qua tên gọi Điều 1) của dự thảo. Theo đó, tên gọi của dự thảo Nghị quyết có thể biên tập như sau: “*Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

**3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết**

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; dự thảo không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại tên gọi của văn bản với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo loại bỏ căn cứ ban hành văn bản là: “*Luật Thu viện ngày 21 tháng 11 năm 2019*”. Lý do: Các loại phí, lệ phí được sửa đổi, bổ sung không được quy định tại Luật Thu viện.

3.3. Để đảm bảo tên gọi của Điều không trùng lặp với nội dung của Điều, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm i khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại tên gọi Điều 2 như sau: “*Bãi bỏ lệ phí*”.

3.4. Theo dự kiến, mức thu một số loại phí có sự điều chỉnh tăng (*phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường*); bổ sung một số đối tượng được miễn lệ phí (*lệ phí cư trú, lệ phí hộ tịch*). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định chuyển tiếp để xử lý các trường hợp đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Bên cạnh đó, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định chuyển tiếp theo hướng:

- Các trường hợp đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định và mức thu của khoản phí, lệ phí cao hơn mức thu được quy định tại Nghị

quyết số 28/2020/NQ-HĐND thì áp dụng mức thu phí, lệ phí được quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND.

- Các trường hợp đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng đến thời điểm Nghị quyết có hiệu lực chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và theo quy định của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung thuộc đối tượng miễn lệ phí thì được miễn thu theo quy định tại Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.

3.5. Sở Tư pháp nhận thấy, các loại phí, lệ phí được dự kiến sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong Phụ lục dự kiến ban hành kèm theo được quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, mức thu, đối tượng miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí cụ thể, đề nghị Sở Tài chính căn cứ quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 85/2019/TT-BTC, Thông tư số 106/2021/TT-BTC các văn bản pháp luật có liên quan và thực tiễn của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định (*Sở Tư pháp nhất trí với các quy định về lệ phí hộ tịch trong dự thảo; mức thu, đối tượng miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí khác trong dự thảo, Sở Tư pháp không thẩm định*).

#### **4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã cơ bản được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ*) và Mẫu số 36. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ban hành Quy định/Quy chế...) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

#### **5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản**

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tuy nhiên, qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo chưa hết thời hạn đăng tải để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân<sup>(1)</sup>. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp các ý kiến tham gia (*nếu có*) để chỉnh lý dự thảo (*hoặc giải trình đối với các ý kiến không được tiếp thu*). Bên cạnh đó việc gửi hồ sơ thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo chưa đảm bảo thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>(2)</sup>.

<sup>1</sup> Thời hạn đăng tải kết thúc vào ngày 26 tháng 5 năm 2022

<sup>2</sup> Đã được sửa đổi bổ sung theo khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## 6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015<sup>(3)</sup>.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015<sup>(4)</sup>.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

### Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Minh Thắng**

<sup>(3)</sup> Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

<sup>(4)</sup> Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.